TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Đông Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Ngọc Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: C Ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Lại Văn L, sinh năm 1991; Địa chỉ: 3 L, Phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Y trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi vả, anh L nhiều lần đánh đập chị nên tháng 9/2019 chị bỏ về nhà cha mẹ chị ở Đồng Tháp sinh sống cho đến nay không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên là Lại Ngọc Thảo U, sinh ngày 24/10/2013 và Lại Ngọc P, sinh ngày

11/3/2018. Hiện nay cháu U và cháu P đang sống với chị Y. Ly hôn chị Y yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lại Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất như lời trình bày của chị Y về quá trình kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị Y dẫn 02 đứa con chung về nhà cha mẹ chị Y ở Đồng Tháp sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh L đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung như chị Y trình bày. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị Y. Ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Bị đơn anh L vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Y cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị Y được ly hôn với anh L; Về con chung: Giao 02 con chung là Lại Ngọc Thảo U, sinh ngày 24/10/2013 và Lại Ngọc P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc Y vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01 ngày 12/12/203 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình chung sống, chị Y và anh L phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống

và sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Chị Y yêu cầu ly hôn với anh L và anh L đồng ý ly hôn với chị Y. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Y và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y với anh L.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Lại Ngọc Thảo U, sinh ngày 24/10/2013 và Lại Ngọc P, sinh ngày 11/3/2018. Hiện nay cháu U và cháu P đang sống với chị Y. Xét thấy: Anh L và chị Y sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cháu U và cháu P sống với chị Y, các cháu đã có cuộc sống ổn định; chị Y vẫn đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và phát triển bình thường về tâm sinh lý của các cháu. Ngoài ra cháu U đã có đơn tự nguyện xin sống với chị Y. Do đó, để không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lại Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 *(hai)* con chung là Lại Ngọc Thảo U, sinh ngày 24/10/2013 và Lại Ngọc P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Hồ Thị Ngọc Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị Ngọc Y không yêu cầu anh Lại Văn L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002380 ngày 04/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp T;
- UBND phường .., Tp T;
(Số 63, quyển số 01, ngày 12/12/2013)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang